TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST Ngày 29-02-2024 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đào Khel
Bà Trần Cẩm Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Kiều Mai H, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường Q, khóm E, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Q , sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường D, khóm H, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Kiều Mai H trình bày:

Bà Phạm Kiều Mai H và ông Trần Văn Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 03/4/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q không lo lắng cho gia đình, con cái, từ đó cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, không thể hòa giải hoặc hàn gắn lại với nhau được nữa. Từ tháng 03 năm 2021 bà H về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay . Trong thời gian chung sống , ông bà có hai người con chung là c háu Trần Đức Chí Q1 (nam, sinh ngày 12/06/2015) và cháu

Trần Mai Bảo N (nữ, sinh ngày 01/02/2017). Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông Q không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nay bà Phạm Kiều Mai H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Q.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung cháu Trần Mai Bảo N (nữ, sinh ngày 01/02/2017) và cháu Trần Đức Chí Q1 (nam, sinh ngày 12/06/2015) đến khi cháu N và cháu Q1 đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn, ông Trần Văn Q từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Quí.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kiều Mai H, về quan hệ hôn nhân của bà Phạm Kiều Mai H và ông Trần Văn Q không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà H, ông Q chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân giữa bà H, ông Q bất đồng về quan điểm sống, ông Q không lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn tình cảm cho bà H, ông Q không có kết quả. Tại tòa bà H xác định không còn tình cảm với ông Q, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với ông Q. Đồng thời, từ năm 2021 đến nay bà H và ông Q đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân

giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung cháu Trần Mai Bảo N (nữ, sinh ngày 01/02/2017) và cháu Trần Đức Chí Q1 (nam, sinh ngày 12/06/2015) đến khi cháu N và cháu Q1 đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Q1 ngày 12/01/2024 có nguyện vọng được sống chung với bà H. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu Q1, tránh xáo trộn môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Q1. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Q1 và cháu N cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Q1 và cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kiều Mai H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Kiều Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Kiều Mai H và ông Trần Văn Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên cháu Trần Mai Bảo N (nữ, sinh ngày 01/02/2017) và cháu Trần Đức Chí Q1 (nam, sinh ngày 12/06/2015) cho bà Phạm Kiều Mai H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N và cháu Q1 đủ 18 tuổi

2.2. Ông Trần Văn Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kiều Mai H, tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Kiều Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001238 ngày 16/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Phạm Kiều Mai H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền